

**BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH**  
V/v: Giảm LNST quý 1/2023 trên 10%

**KÍNH GỬI:** Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế Quý 1 của năm này giảm 14.77 % so với quý 1 năm 2022 như sau:

CHỈ TIÊU	Quý I		Tỷ lệ tăng, giảm	yếu tố giảm hiệu quả	Yếu tố tăng hiệu quả
	Năm này	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201,220,246,376	249,120,045,348	80.77	- 47,899,798,972	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	201,220,246,376	249,120,045,348	80.77		
4. Giá vốn hàng bán	180,693,617,460	227,629,175,655	79.38		- 46,935,558,195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,526,628,916	21,490,869,693			- 248,381,055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	718,182,390	966,563,445			
7. Chi phí tài chính	3,426,841,491	2,155,199,289	159.00	1,271,642,202	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3,304,982,804	2,040,838,442			
8. Chi phí bán hàng	5,410,723,139	6,908,048,448	78.32		- 1,497,325,309
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,377,690,911	3,850,391,878	78.32	527,299,033	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8,029,555,765	9,543,793,523	113.69	70,257,055	
11. Thu nhập khác	70,257,055				- 17,275,811
12. Chi phí khác	15,010,560	32,286,371	46.49		
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	55,246,495	(32,286,371)	- 171.11		
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,084,802,260	9,511,507,152	85.00		- 302,009,710
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,595,330,136	1,897,339,846	84.08		
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,489,472,124	7,614,167,306	85.23	(46,030,600,682)	(49,000,550,080)
Cộng			85.23	(46,030,600,682)	(2,969,949,398)
Chênh lệch					

Như vậy, LNST quý 1 năm nay giảm chủ yếu do giảm doanh thu và tăng chi phí lãi vay, chi phí quản lý.

Vinh, ngày 10 tháng 4 năm 2023



*Lê Xuân Thọ*